TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Bản án số: **147**/2018/HSPT*
Ngày: 22/10/2018
V/v: Tranh chấp thừa kế về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông.

Bà Lê Thúy Cầu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy, là Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp thừa kế về tài sản". Do có kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165A/2018/QĐXX-PT ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ Trần Thị L, sinh năm 1925; Nơi cư trú: Nhà số 231 Đường L2, phường 5, thành phố T2, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Hoàn M, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Nhà số 309 Đường T3, phường 15, quận X, thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo ủy quyền theo "Văn bản ủy quyền ngày 17/8/2013". *(Có mặt);*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Hương Q – Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. *(Có mặt);*

Bị đơn:

- Bà Võ Thị Thu L1, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Nhà số 19 Ngô Quyền, phường 4, Thành phố T2, Phú Yên. Bà L1 Ủy quyền cho anh Phan Thành H theo Giấy ủy quyền ngày 14/5/2018. (*Vắng mặt);*

- Anh Phan Thành H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Buôn Ma Gai, xã Đất Bằng, huyện Krông-Pa, tỉnh Gia Lai. (*Có mặt);*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Th – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Th thuộc đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. *(Có mặt);*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị Hoàn M, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Nhà số 309 Đường T3, phường 15, quận X, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bà M: Ông Trịnh Bình T, sinh năm 1979; Nơi cư trú: 247 đường N2, phường 5, thành phố T2, tỉnh Phú Yên – Là người đại diện theo ủy quyền theo "Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2015". (*Vắng mặt);*

- Ông Phan Kim K, sinh năm 1957; Cư trú tại Úc.

- Ông Phan Kim K1, sinh năm 1958; Cư trú tại Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp của ông Phan Kim K, ông Phan Kim K1: Bà Phan Thị Hoàn M, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Nhà số 309 Đường T3, phường 15, quận X, thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo ủy quyền theo "Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2015 và 31/8/2015".

- Anh Phan Thành T1, sinh năm 1977; Cư trú tại Canada.

- Chị Phan Thị Quỳnh A, sinh năm 1979; Cư trú tại Úc.

Người kháng cáo: Bà Võ Thị Thu L1, anh Phan Thành H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2013, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03/5/2017 tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn và người được nguyên đơn ủy quyền bà Phan Thị Hoàn M trình bày:

Cụ Trần Thị L và cụ Phan G (chết năm 1977) kết hôn với nhau có 04 người con gồm:

1- Phan M1 (chết năm 1985) có vợ là Võ Thị Thu L1 và 03 người con gồm: Phan Thành H – SN: 1983, Phan Thành T1, Phan Thị Huỳnh A1;

2- Phan Thị Hoàn M - SN: 1950;

3- Phan Kim K – SN: 1957;

4- Phan Kim K1 – SN: 1959;

Trong quá trình chung sống, vợ chồng cụ L và cụ G có tạo lập 01 ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 172,5 m^2 tại 231 Đường L2, phường 5, thành phố T2, tỉnh Phú Yên (sau đây gọi tắt là nhà đất 231 Đường L2) thuộc số thửa 282, tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 581354 ngày 17/11/2006; Giấy

chứng nhận quyền sở hữu nhà số 000525/SH-TPTH ngày 17/11/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố T2 cấp cho cụ Phân G, cụ Trần Thị L.

Năm 1977, cụ Phan G chết không để lại di chúc, cụ L là người trực tiếp quản lý ngôi nhà và đất mang số 231 Đường L2. Vào ngày 23/5/2012, gia đình họp và lập biên bản về việc cho cháu nội là Phan Thanh H mượn ngôi nhà 231 Đường L2, Phường 5 nêu trên với nội dung: Cho cháu H mượn ngôi nhà 231 Đường L2 để cháu H làm nơi kinh doanh, buôn bán. Thời gian cho mượn là 02 năm (từ 23/5/2012 đến ngày 23/5/2014). Hết thời hạn cho mượn thì cho cháu H thuê. Thời gian thuê là 03 năm (từ tháng 5/2014 đến tháng 5/2017). Hết thời hạn cho thuê, sẽ bán nhà cho cháu H. Trường hợp cháu H không mua thì bán cho người khác. Ngoài ra, biên bản còn ghi rõ trách nhiệm của cháu H là sớm tối chăm sóc bà nội (Trần Thị L) trong lúc tuổi già, đau bệnh. Tuy nhiên, sau khi nhận được nhà cho mượn, cháu H có những hành vi không tốt, tự ý tháo gỡ, thay đổi kết cấu nhà, lấy làm nhà kho chứa hàng hóa. Mặt khác, không thực hiện việc chăm sóc cụ L.

Nay cụ L khởi kiện yêu cầu: Chia tài sản chung nhà đất 231 Đường L2; Yêu cầu chia phần di sản của cụ G là ½ giá trị nhà và đất tại 231 Đường L2 cho các thừa kế gồm: cụ L, ông Phan M1 (có vợ và con đại diện), bà Phan Thị Hoàn M, ông Phan Kim K, ông Phan Kim K1; Yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế của ông Phan M1; Xin được sở hữu nhà và trả lại chênh lệch theo phần cho các kỷ phần thừa kế khác; Yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do hành vi chiếm dụng trái phép toàn bộ căn nhà 231 Đường L2 nói trên trong thời hạn từ ngày 15/8/2013 đến ngày 30/4/2017 là 43,5 tháng, mỗi tháng 12.000.000đ là 522.000.000đ, số tiền này được chia cho các người được nhận tài sản.

Ngày 01/02/2018, người được nguyên đơn ủy quyền, bà Phan Thị Hoàn M có đơn rút lại yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do hành vi chiếm dụng trái phép toàn bộ căn nhà 231 Đường L2 nói trên trong thời hạn từ ngày 15/8/2013 đến ngày 30/4/2017 là 43,5 tháng, mỗi tháng 12.000.000đ là 522.000.000đ, số tiền này được chia cho các người được nhận tài sản.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Thành H trình bày: Ông là cháu nội của cụ Trần Thị L, là con ông Phan M1 chết năm 1985, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn vì ngày 23/5/2012 giữa ông và cụ L có lập Biên bản họp gia đình có ông Phan Kim K1 làm chứng. Cụ L cho ông mượn ngôi nhà và đất trên trong 02 năm và sau thời hạn đó thì cho thuê thêm 03 năm, bản thân ông không làm thay đổi hiện trạng ngôi nhà 231 Đường L2 như nguyên đơn trình bày và ông vẫn thực hiện đầy đủ trách nhiệm chăm sóc cụ L hàng ngày. Ngôi nhà 231 Đường L2 có được hiện trạng như hiện nay là do ông bỏ ra 400.000.000 đồng để nâng cấp, sửa chữa 02 lần vào các năm 1998 và 2011, nay

nếu Tòa chia di sản thừa kế của cụ G thì phía nguyên đơn phải thanh toán lại cho ông số tiền sửa chữa, còn không chia thì thực hiện theo hợp đồng mượn và thuê nhà.

Tài liệu có tại hồ sơ bị đơn bà Võ Thị Thu L1 trình bày:

Nguồn gốc ngôi nhà và đất 231 Đường L2 là của chồng bà ông Phan M1 mua của ông Nguyễn Kim từ năm 1975, chỉ nghe ông M1 nói lại chứ không có tài liệu gì chứng minh, sau đó gia đình chồng bà mang giấy tờ nhà đi chuyển quyền sở hữu sang tên cho cụ L. Ngôi nhà 231 Đường L2 có được hiện trạng như hiện nay là do bà bỏ ra 07 lượng vàng y để nâng cấp sửa chữa vào năm 1998. Đến năm 2011 con Phan Thành H tiếp tục bỏ ra 400.000.000đ để sửa chữa nhà. Nay cụ L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế thì bà yêu cầu giao nhà cho anh Phan Thành H sở hữu và có trách nhiệm nuôi dưỡng bà nội là cụ L lúc tuổi già, đồng thời thối lại cho bà M, ông K, ông K1 mỗi người 400.000.000đ sau khi khấu trừ phần tiền mà bà và ông Phan Thành H chi ra sửa chữa.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Hoàn M ủy quyền cho ông Trịnh Bình T, ông Phan Kim K và ông Phan Kim K1 ủy quyền cho Phan Thị Hoàn M trình bày:

Thống nhất theo yêu cầu của mẹ là cụ Trần Thị L, chia ½ phần tài sản của cụ Phan G để lại cho các đồng thừa kế, cụ L tiếp tục được sở hữu ngôi nhà và trả lại phần giá trị được chia cho các đồng thừa kế khác theo quy định pháp luật. Riêng việc bà L1 và ông H cho rằng đã chi tiền ra để sửa chữa nhà là không có cơ sở, vì theo như biên bản định giá thì ngôi nhà xuống cấp trầm trọng không có giá trị cao. Bị đơn có quyền tháo dỡ các tài sản của mình để trả lại nhà đất như hiện trạng ban đầu cho mẹ là cụ Trần Thị L.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Thành T1, bà Phan Thị Huỳnh A1 nguyên đơn và bị đơn không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên không tiến hành ủy thác tư pháp lấy lời khai và hòa giải tại Tòa án.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan G và ông Phan M1, xin được nhận nhà và thối lại giá trị cho các kỷ phần thừa kế khác. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia phần di sản của cụ Phan G và ông Phan M1; Xin được sở hữu nhà và trả lại chênh lệch theo phần cho các kỷ phần thừa kế khác.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên lời trình bày của mình. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng bị đơn bà Võ Thị Thu L1 không nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu phản tố, nhưng

nguồn gốc ngôi nhà 231 Đường L2, P5, Thành phố T2 là do ông Phan M1 mua, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật**.**

Với nội dung vụ án nêu trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn thi hành một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015".

Áp dụng các Điều 219, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng diện tích đất 172,5m^2 tại 231 Đường L2, Phường 5, thành phố T2, tỉnh phú Yên trị giá 7.501.466.331đ là tài sản chung của vợ chồng cụ Phan G và cụ Trần Thị L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Thị L theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2013 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03/5/2017 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan G là ½ giá trị của ngôi nhà và đất tại 231 Đường L2, Phường 5, thành phố T2, tỉnh phú Yên là 3.688.761.665,5 đồng. Khối di sản của cụ Phan G được chia cho 05 người – cụ Trần Thị L, ông Phan M1, bà Phan Thị Hoàn M, ông Phan Kim K, ông Phan Kim K1, mỗi người một kỷ phần bằng nhau là 737.752.333đ.

Kỷ phần thừa kế của ông Phan M1 được chia cho diện hưởng thừa kế của ông, gồm cụ Trần Thị L, bà Võ Thị Thu L1, anh Phan Thành H, anh Phan Thành T1 và chị Phan Thị Quỳnh A, mỗi người một kỷ phần bằng nhau là 147.550.466,6đ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Thu L1 cho kỷ phần thừa kế của bà cho anh Phan Thành H; và tạm giao 02 kỷ phần thừa kế của anh Phan Thành T1 và chị Phan Thị Quỳnh A cho anh Phan Thành H quản lý.

3. Giao cho cụ Trần Thị L được quyền sở hữu toàn bộ ngôi nhà và vật kiến trúc gắn liền quyền sử dụng đất 172,5m², mang số 231 Đường L2, phường 5, thành phố T2, tỉnh Phú Yên trị giá 7.501.466.331đ (theo bản vẽ hiện trạng kèm theo Biên bản định giá do Hội đồng định giá Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên lập ngày

14/5/2015, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC581354 ngày 17/11/2006 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 000525/SH-TPTH ngày 17/11/2006).

Cụ Trần Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho các bà Phan Thị Hoàn M, ông Phan Kim K1, ông Phan Kim K mỗi người số tiền 737.752.333đ.

Cụ Trần Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Phan Thành H số tiền 714.144.866,4đ, trong đó: Tiền sàn gỗ và mái tôn là 123.943.000đ, tiền 04 kỷ phần thừa kế bà Võ Thị Thu L1, anh Phan Thành H, anh Phan Thành T1 và chị Phan Thị Quỳnh A được hưởng của ông Phan M1 là 590.201.866,4đ.

4. Buộc anh Phan Thành H và bà Võ Thị Thu L1 phải giao trả lại ngôi nhà cho cụ Trần Thị L đúng như hiện trạng theo Biên bản định giá lập ngày 14/5/2015 và ngày 18/8/2017 do Hội đồng định giá Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên lập.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Thị L buộc bị đơn bà Võ Thị Thu L1, anh Phan Thành H phải bồi thường số tiền 522.000.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2018, bà Võ Thị Thu L1, và anh Phan Thành H kháng cáo. Nội dung kháng cáo của bà L1 và anh H đều cho rằng nhà đất tại 231 Đường L2, Phường 2 thành phố T2 tỉnh, Phú Yên là của ông Phan M1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Võ Thị Thu L1 vắng mặt, anh Phan Thành H, vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với đơn kháng cáo của bà Võ Thị Thu L1 vì đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng của bị đơn và người liên quan.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xử án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị Thu L1, và anh Phan Thành H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương

sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cụ Trần Thị L và cụ Phan G (chết năm 1977) kết hôn với nhau có 04 người con gồm:

1- Phan M1 (chết năm 1985) có vợ là Võ Thị Thu L1 và 03 người con gồm: Phan Thành H – SN: 1983, Phan Thành T1, Phan Thị Huỳnh A1;

2- Phan Thị Hoàn M - SN: 1950;

3- Phan Kim K – SN: 1957;

4- Phan Kim K1 – SN: 1959;

Trong quá trình chung sống, vợ chồng cụ L và cụ G có tạo lập 01 ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 172,5 m^2 tại 231 Đường L2, phường 5, thành phố T2, tỉnh Phú Yên (sau đây gọi tắt là nhà đất 231 Đường L2) thuộc số thửa 282, tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 581354 ngày 17/11/2006; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 000525/SH-TPTH ngày 17/11/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố T2 cấp cho cụ Phân G, cụ Trần Thị L.(Bl31-34)

[2] Xét án sơ thẩm đã xác định đầy đủ các diện và hàng thừa kế của cụ Phan G theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với thời điểm chết của ông Phan M1: Sau khi bản án sơ thẩm số 17 ngày 22 tháng 01 năm 2016 bị hủy. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ và xác định được thời điểm chết của ông Phan M1 vào năm 1985. Mặt khác bà L1 và các đồng thừa kế khác, cũng như các con của ông M1 cũng thừa nhận ông Phan M1 chết sau cụ Phan G, từ đó có đủ cơ sở để xác định ông Phan M1 cũng được hưởng một phần di sản thừa kế của cụ Phan G như án sơ thẩm xác định là có căn cứ.

[4] Xét đơn kháng cáo của bà L1 và anh H (BL 555,557) có nội dung cho rằng tài sản đang tranh chấp về thừa kế là của ông Phan M1 tạo lập. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong qua trình xét xử ở cấp sơ thẩm bà L1 đều cho rằng tài sản nêu trên là của ông Phan M1 chồng Bà mua của ông Nguyễn Kim, tuy nhiên bà không đưa ra chứng cứ hợp pháp để chứng minh cho yêu cầu của mimh là có căn cứ, bà chỉ nghe ông Phan M1 nói lại chứ không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và cũng không biết ông Nguyễn Kim là ai, hiện đang ở đâu ?

[4.1] Tại Công văn số: 1307/UBND ngày 11/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc *"phúc đáp nội dung Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ ..."* và các tài liệu kèm theo thể hiện, UBND tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 000525/SH-TPTN ngày 17/11/2016 cho cụ Phan G và cụ Trần Thị L là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật. Mặt khác tại "Biên bản họp gia đình về việc cho mượn nhà" (BL 458) bà "Biên bản giải quyết" ngày 15 tháng 8 năm 2013 anh Phan Thành H cũng thừa nhận mượn và trả lại nhà và đất cho cụ Trần Thị L (BL359). Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định nhà đất tại 231 Đường L2, Phường 5, thành phố T2 là tài sản chung của cụ Phan G và cụ Trần Thị L tạo lập như án sơ thẩm xác định là có căn cứ. Đơn kháng cáo cuả bà L1 và anh H về nội dung trên là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.2] Xét thấy sau khi xác định phần di sản của cụ Phan G chết để lại, án sơ thẩm đã thực hiện việc phân chia cho các đồng thừa kế, theo đúng quy định của pháp luật, cũng như xem xét công sức sửa chữa nhà của anh H khi anh H mượn nhà để kinh doanh, là phù hợp. Về các nội dung trên các đương sự không có ai kháng cáo.

Án Phí: Bà L1 và anh H phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà Võ Thị Thu L1.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của và anh Phan Thành H; Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn thi hành một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015".

Áp dụng các Điều 219, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng diện tích đất 172,5m^2 tại 231 Đường L2, Phường 5, thành phố T2, tỉnh phú Yên trị giá 7.501.466.331đ là tài sản chung của vợ chồng cụ Phan G và cụ Trần Thị L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Thị L theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2013 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03/5/2017 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan G là ½ giá trị của ngôi nhà và đất tại 231 Đường L2, Phường 5, thành phố T2, tỉnh phú Yên là 3.688.761.665,5 đồng. Khối di sản của cụ Phan G được chia cho 05 người – cụ Trần Thị L, ông Phan M1, bà Phan Thị Hoàn M, ông Phan Kim K, ông Phan Kim K1, mỗi người một kỷ phần bằng nhau là 737.752.333đ.

Kỷ phần thừa kế của ông Phan M1 được chia cho diện hưởng thừa kế của ông, gồm cụ Trần Thị L, bà Võ Thị Thu L1, anh Phan Thành H, anh Phan Thành T1 và chị Phan Thị Quỳnh A, mỗi người một kỷ phần bằng nhau là 147.550.466,6đ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Thu L1 cho kỷ phần thừa kế của bà cho anh Phan Thành H; và tạm giao 02 kỷ phần thừa kế của anh Phan Thành T1 và chị Phan Thị Quỳnh A cho anh Phan Thành H quản lý.

3. Giao cho cụ Trần Thị L được quyền sở hữu toàn bộ ngôi nhà và vật kiến trúc gắn liền quyền sử dụng đất 172,5m², mang số 231 Đường L2, phường 5, thành phố T2, tỉnh Phú Yên trị giá 7.501.466.331đ (theo bản vẽ hiện trạng kèm theo Biên bản định giá do Hội đồng định giá Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên lập ngày 14/5/2015, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC581354 ngày 17/11/2006 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 000525/SH-TPTH ngày 17/11/2006).

Cụ Trần Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho các bà Phan Thị Hoàn M, ông Phan Kim K1, ông Phan Kim K mỗi người số tiền 737.752.333đ.

Cụ Trần Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Phan Thành H số tiền 714.144.866,4đ, trong đó: Tiền sàn gỗ và mái tôn là 123.943.000đ, tiền 04 kỷ phần thừa kế bà Võ Thị Thu L1, anh Phan Thành H, anh Phan Thành T1 và chị Phan Thị Quỳnh A được hưởng của ông Phan M1 là 590.201.866,4đ.

4. Buộc anh Phan Thành H và bà Võ Thị Thu L1 phải giao trả lại ngôi nhà cho cụ Trần Thị L đúng như hiện trạng theo Biên bản định giá lập ngày 14/5/2015 và ngày 18/8/2017 do Hội đồng định giá Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên lập.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Thị L buộc bị đơn bà Võ Thị Thu L1, anh Phan Thành H phải bồi thường số tiền 522.000.000đ.

Án phí: Bà Võ Thị Thu L1, anh Phan Thành H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tạm ứng theo các biên lai số 0008532 ngày 07 tháng 06 năm 2018. Nay số tiền tạm ứng án phí chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Các đương sự;
-VKSNDCC Đà Nẵng;
-Tòa án tỉnh Phú Yên;
-VKS tỉnh Phú Yên;
-Cục THADS tỉnh Phú Yên;
-Cổng thông tin điện tử;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Xuân Thành